TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 386/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 16 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 347/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1997. Địa chỉ: 36 TT, phường AT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Hoàng Vũ Duy Th, sinh năm 1992. Địa chỉ: 20 TT, phường AT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Hoàng Vũ Duy Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Hoàng Vũ Duy Th thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Hoàng Vũ Duy Th xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 27/6/2016. Hai bên thoả thuận giao cháu Hoàng Ngọc Bảo Tr cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung 01 tháng là 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng)

kể từ ngày quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trân đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Trần Thị Thu H, nếu anh Hoàng Vũ Duy Th chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng anh Thiện phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Hoàng Vũ Duy Th xác nhận không có tài sản chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Hoàng Vũ Duy Th xác nhận không có tài sản chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.5. Về án phí sơ thẩm: Hai bên thoả thuận chị H tự nguyện chịu 150.000đồng án phí sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2013/005036 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Chị H không phải nộp tiếp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường PV, TP H;
(ĐKKH số 17, ngày 23/02/2016);
- Lưu: HSVA;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Dũng